

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

- Hướng dẫn chấm chủ yếu được biên soạn theo hướng “mở”, chỉ nêu những ý chính.
- Thí sinh có cách diễn đạt khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của ý đó.

**II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT**

Câu	Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (2,0đ)	a	<b>Hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau trên Trái Đất diễn ra vào ngày 22/6 như thế nào?</b>	<b>1,00</b>
		- Ngày đêm dài ngắn theo mùa: Bắc bán cầu là mùa nóng có ngày dài hơn đêm, Nam bán cầu là mùa lạnh có đêm dài hơn ngày. - Ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ: xích đạo có ngày dài bằng đêm; càng xa xích đạo, chênh lệch độ dài ngày đêm càng lớn.	0,50 0,50
	b	<b>Kể tên hai loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất cùng xuất phát từ áp cao cận chí tuyến. Xác định hướng thổi và tính chất của hai loại gió này.</b>	<b>1,00</b>
		- Tên gió: gió Mậu dịch (Tín phong) và gió Tây ôn đới. - Hướng thổi: + Gió Mậu dịch: từ áp cao cận chí tuyến về phía áp thấp xích đạo. Hướng Đông Bắc ở Bắc bán cầu và hướng Đông Nam ở Nam bán cầu. + Gió Tây ôn đới: từ áp cao cận chí tuyến về phía áp thấp ôn đới. Hướng Tây Nam ở Bắc bán cầu và hướng Tây Bắc ở Nam bán cầu. - Tính chất: gió Mậu dịch khô, nóng, ít mưa; gió Tây ôn đới ẩm, dễ gây mưa.	0,25 0,25 0,25 0,25
2 (3,0đ)	a	<b>Phân tích tính nhiệt đới ẩm gió mùa qua địa hình và thổ nhưỡng ở nước ta.</b>	<b>1,50</b>
		* Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa: - Quá trình phong hóa nhanh, lớp vỏ phong hóa dày. - Quá trình xâm thực mạnh ở khu vực miền núi, địa hình bị chia cắt; thường xảy ra hiện tượng đất trượt, đá lở...; xuất hiện địa hình caxtơ. - Quá trình bồi tụ nhanh ở dọc thung lũng sông và ở các đồng bằng, làm tăng trầm tích ngày càng dày thêm, diện tích đồng bằng liên tục được mở rộng.	0,25 0,25 0,25
		* Thổ nhưỡng nhiệt đới ẩm gió mùa: - Quá trình feralit là quá trình hình thành đất chủ đạo, đất feralit là loại đất đặc trưng (diễn giải). - Đất có độ dày lớn nhưng dễ bị xói mòn, rửa trôi; đất thường nghèo mùn (diễn giải).	0,50 0,25
	b	<b>Nhận xét và giải thích về chế độ nước của sông Hồng.</b>	<b>1,50</b>
		- Lưu lượng nước TB năm: lớn (dẫn chứng) do có diện tích lưu vực lớn, nhiều phụ lưu; phát sinh ngoài lãnh thổ nước ta. - Sự phân mùa: + Mùa lũ từ tháng 6 → tháng 10, đỉnh lũ vào tháng 8; mùa cạn từ tháng 11 → tháng 5, cạn nhất vào tháng 2 (dẫn chứng). + Giải thích: phù hợp chế độ mưa: mùa lũ trùng mùa mưa (mưa do gió mùa mùa hạ, đỉnh lũ tháng 8 do dải hội tụ nhiệt đới), mùa cạn trùng mùa khô (mưa ít do gió mùa mùa đông). - Đặc điểm lũ: lũ lên nhanh, rút chậm do sông có dạng hình nan quạt.	0,25 0,50 0,50 0,25

<b>3</b> <b>(1,0đ)</b>	<b><i>Trình bày biểu hiện và nguyên nhân của sự già hóa dân số ở nước ta.</i></b>		<b>1,00</b>																		
	*Biểu hiện: tỷ trọng người già tăng, tuổi thọ tăng; tỷ trọng trẻ em giảm		0,25																		
	*Nguyên nhân: - Nền kinh tế phát triển và sự thay đổi trong nhận thức, quan niệm khiến tỷ suất sinh giảm.		0,25																		
	- Sự tiến bộ trong y tế và chất lượng cuộc sống tăng làm tăng tuổi thọ. - Chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình tác động.		0,25 0,25																		
<b>4</b> <b>(2,0đ)</b>	<b>a</b>	<b><i>Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo loại hình vận tải nước ta năm 2018 và 2024.</i></b>	<b>1,50</b>																		
		- Xử lí số liệu: Tính cơ cấu: Bảng: Cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo loại hình vận tải nước ta năm 2018 và 2024, đơn vị: %	0,25																		
	<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Đường sắt</th> <th>Đường bộ</th> <th>Đường sông hồ</th> <th>Đường biển</th> <th>Đường hàng không</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2018</td> <td>1,45</td> <td>25,55</td> <td>18,92</td> <td>52,04</td> <td>2,03</td> </tr> <tr> <td>2024</td> <td>1,30</td> <td>39,47</td> <td>12,88</td> <td>43,10</td> <td>3,25</td> </tr> </tbody> </table>		Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không	2018	1,45	25,55	18,92	52,04	2,03	2024	1,30	39,47	12,88	43,10	3,25	
	Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông hồ	Đường biển	Đường hàng không															
2018	1,45	25,55	18,92	52,04	2,03																
2024	1,30	39,47	12,88	43,10	3,25																
- Vẽ biểu đồ tròn: chính xác, đầy đủ tên, số liệu, chú giải (thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25đ)		1,25																			
	<b>b</b>	<b><i>Nhận xét cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo loại hình vận tải nước ta</i></b>	<b>0,50</b>																		
		- Cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển có sự phân hóa giữa các loại hình vận tải (dẫn chứng)	0,25																		
		- Cơ cấu khối lượng hàng hóa luân chuyển theo các loại hình vận tải có thay đổi qua hai năm (dẫn chứng)	0,25																		
<b>5</b> <b>(2,0đ)</b>	<b>a</b>	<b><i>Giải thích tại sao Đồng bằng sông Hồng có ngành công nghiệp phát triển mạnh.</i></b>	<b>1,25</b>																		
		- Vị trí địa lí thuận lợi: giáp biển, giáp Trung Quốc, giáp các vùng kinh tế; có thủ đô (diễn giải)	0,25																		
		- Khoáng sản khá đa dạng; nguồn nước phong phú, có mỏ nước nóng, nước khoáng; nguyên liệu dồi dào từ nông nghiệp, thủy sản (diễn giải)	0,25																		
		- Dân cư – lao động: dồi dào, có trình độ cao bậc nhất cả nước (diễn giải)	0,25																		
		- Cơ sở vật chất, hạ tầng hiện đại và khá đồng bộ, khoa học công nghệ phát triển (diễn giải)	0,25																		
		- Nguyên nhân khác: thị trường mở rộng, thu hút vốn, chính sách phát triển... (diễn giải)	0,25																		
	<b>b</b>	<b><i>Chỉ ra ý nghĩa của việc hình thành các đặc khu ở nước ta.</i></b>	<b>0,75</b>																		
- Từ 1/7/2025, nước ta có 13 đặc khu (HS kể được từ 5 đặc khu thì thưởng 0,25đ khi điểm của câu chưa đạt tối đa)																					
- Ý nghĩa kinh tế: thúc đẩy kinh tế vùng hải đảo, thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển.		0,25																			
- Ý nghĩa thể chế, xã hội: cải thiện dịch vụ công, phát triển bền vững dân cư đảo.		0,25																			
- Ý nghĩa an ninh quốc phòng: củng cố chủ quyền quốc gia trên biển, đảo.		0,25																			
<b>Câu 1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 10,00</b>																					